

Số: 114/2022/QĐST- HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu Hiền

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 108/2022/QĐ-TA ngày 19 tháng 9 năm 2022 bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

3. Người tham gia tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Sau đó chị T đi lao động tại Nhật Bản cho đến nay chưa về Việt Nam. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi cọ và thiếu tôn trọng nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 31/5/2011. Chị Trần Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh chị T chưa về Việt Nam nhờ bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị T) chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nhi cho đến khi chị T về Việt Nam.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Ngoài ra, chị Trần Thị T trình bày hiện nay chị đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, do điều kiện công việc cũng như dịch bệnh phức tạp nên không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T nên chị yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết việc ly hôn và ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Huyền; địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Quá trình giải quyết, anh Nguyễn Đình T trình bày thống nhất như nội dung trình bày của chị Trần Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung cũng như tài sản chung.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nếu đoàn tụ cũng không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Đình T đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Y, sinh ngày 31/5/2011 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị T chưa về Việt Nam, anh đồng ý để bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị T) chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N cho đến khi chị T về Việt Nam.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người tham gia tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị T) trình bày: Từ khi chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn đến nay, cháu Nguyễn Thị Y ở cùng với bà, được bà chăm sóc và nuôi dưỡng tốt. Nay chị T và anh T ly hôn, bà xin được tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N thay chị T cho đến khi chị T về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị T hiện đang sinh sống tại Nhật Bản có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trần Thị T xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Huyền; địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Trình Trung có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T theo thủ tục chung

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 003/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T hạnh phúc được hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị T đi lao động tại nước ngoài cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không còn tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không còn, mục đích xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được. Nay, chị T và anh T đều tự nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....” (Điều 55).

Như vậy, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 31/5/2011. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến nay, cháu Nhi ở cùng với bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị T), được bà Nguyễn Thị H chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, cháu phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần. Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T thống nhất giao con chung Nguyễn Thị Y cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và anh Nguyễn Đình T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị T chưa về Việt Nam, bà Nguyễn Thị H tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhi cho đến khi chị T về Việt Nam.

Xét thấy sự thống nhất, thỏa thuận của các đương sự là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án miễn xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Y, sinh ngày 31/5/2011 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi phát sinh tranh chấp mới. Trong thời gian chị T chưa về Việt Nam, bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị T) tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nhi cho đến khi chị T về nước. Anh Nguyễn Đình T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị T (đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000235 ngày 20/6/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã H;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trần Thị Thu Hiền